

Bản án số:19/2023/HSST

Ngày **09/01/2023**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Thẩm phán: Bà Lê Thúy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy;

2. Ông Nguyễn Ngọc Thiện;

3. Bà Bùi Thị Thu Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phí Thành Chung - Thẩm tra viên chính Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Lê T Anh - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày **09/01/2023**, tại Trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số **543/2022/TLST-HS** ngày **28/11/2022** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 580/2022/QĐXXST - HS ngày **15/12/2022** đối với bị cáo:

Lê Anh T, sinh năm 1990, **tại Thành phố Hà Nội**; ĐKKHKT **và chỗ ở:** thôn Đ, xã NH, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Nguyên cán bộ Địa chính – Xây dựng xã TĐ, huyện M, Thành phố Hà Nội; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; **Đảng phái:** **Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (Đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định của số 32/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy M);** Con ông: Lê Xuân H; Con bà: Nguyễn Thị H1; Vợ, con: **chưa**; Tiền án, tiền sự: **Không**; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/12/2021; Bị cáo hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an Thành phố Hà Nội (**Có mặt tại phiên tòa**).

*** Bị hại:**

1. Anh Bùi Văn T1, sinh năm 1976; ĐKKHKT: Đội 3, Thôn CA, xã TĐ, huyện M, Thành phố Hà Nội. (**Có mặt tại phiên tòa**).

2. Ông Võ Văn H2, sinh năm 1968; ĐKKHKT: Thôn CA, xã TĐ, huyện M, Thành phố Hà Nội. (**Có mặt tại phiên tòa**).

3. Anh Bùi Văn T2, sinh năm 1988; ĐKKHKT: Thôn CA, xã TĐ, huyện M, Thành phố Hà Nội. (**Có mặt tại phiên tòa**).

4. Anh Trần Thế T3, sinh năm 1989; ĐKKHKT: Thôn V, xã NH, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội. (**Có mặt tại phiên tòa**).

5. Anh **Bùi Đức T4**, sinh năm **1979**; ĐKHKT: Thôn CA, xã TĐ, huyện M, Thành phố Hà Nội. *(Có mặt tại phiên tòa).*

*** Người làm chứng:**

1. Anh **Đặng Thái HO**, sinh năm **1977**; ĐKHKT: thôn Do HA, xã TP, huyện M, Thành phố Hà Nội. *(Vắng mặt tại phiên tòa).*

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Lê Xuân H**, sinh năm **1962 (Bố bị cáo T)**; Địa chỉ: Thôn Đ, NH, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội. *(Có mặt tại phiên tòa).*

*** Người bào chữa cho bị cáo Lê Anh T:**

1. Luật sư **Nguyễn Văn H** – Công ty Luật hợp danh Đại An Phát, Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội. *(Vắng mặt tại phiên tòa).*

2. Luật sư **Lê Dương Ước An** – Công ty Luật hợp danh Đại An Phát, Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội. *(Có mặt tại phiên tòa).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền để chi tiêu cá nhân Lê Anh T lợi dụng sự tin tưởng của người khác và nói dối mình có khả năng lập và mua quyền sử dụng đất trong dự án để chiếm đoạt tổng số tiền 1.069.000.000 đồng của anh Trần Thế T3, anh Bùi Văn T1, anh Võ Văn H2, anh Bùi Văn T2, anh Bùi Đức T4 cụ thể như sau.

Vụ thứ 1: Lê Anh T có hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt số tiền 569.000.000 đồng của anh Trần Thế T3 (sinh năm 1989, trú tại thôn V, xã NH, huyện ĐA, Hà Nội).

Anh Trần Thế T3 và Lê Anh T cùng là bạn học với nhau. Do tin tưởng nên ngày 03/9/2020, anh T3 gọi điện nhờ T đến khu hành chính huyện M gặp anh Đặng Thái HO (sinh năm 1977, trú tại thôn DH, xã TP, huyện M, Hà Nội) để nhận giúp số tiền 569.000.000 đồng (đây là tiền anh HO trả cho anh T3). Đến nơi, anh HO giao cho T số tiền 569.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền từ anh HO, T đến cửa hàng mua bán điện thoại của anh Nguyễn Đức L (sinh năm 1992, trú tại thôn VL, xã TĐ, huyện M, Hà Nội) nhờ anh L chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào số tài khoản 102004615428 tại Ngân hàng Công thương Việt Nam của T. Sau đó, T đăng nhập vào đường link <https://vn.ku6106.net> rồi vào ứng dụng KU CASINO trên trang mạng internet để nạp tiền vào tài khoản ANHTUAN162 của T để đánh bạc (dưới hình thức game bài đổi thưởng). Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 03/9/2020, T đến Ngân hàng Công thương Việt Nam tại thôn TL, xã ĐT, huyện M, Hà Nội nộp số tiền 459.000.000 đồng vào tài khoản số 102004615428 của T, sau đó T chuyển tiền vào tài khoản ANHTUAN162 để đánh bạc trên mạng internet.

Khoảng 16 giờ 00, ngày 03/9/2020, anh HO chuyển cho T số tiền 10.000.000 đồng vào số tài khoản 102004615428, nhờ T trả tiếp cho anh T3. T không chuyển trả anh T3 mà chuyển tiền vào tài khoản ANHTUAN162 để đánh bạc trên mạng internet.

Chiều ngày 04/9/2020, anh T3 đến gặp T để lấy lại số tiền do anh HO trả, T nói đã chi tiêu cá nhân và đánh bạc hết. Anh T3 yêu cầu T viết giấy xác nhận đã

cầm tiền và hẹn 01 tháng sau phải trả hết số tiền cho anh T3. Sau đó T đã trả anh T3 số tiền 60.000.000 đồng, số tiền còn lại là 509.000.000 đồng T không trả lại cho anh T3.

Ngày 20/9/2020, anh Trần Thế T3 viết đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M và giao nộp giấy xác nhận T đã cầm số tiền 569.000.000 đồng của anh T3. Quá trình điều tra, ngày 16/7/2022 ông Lê Xuân H (sinh năm 1962, trú tại thôn Đ, xã NH, huyện ĐA, Hà Nội là bố đẻ của bị can T) đã tự nguyện bồi thường cho anh T3 số tiền 150.000.000 đồng. Đến nay, anh T3 yêu cầu bồi thường số tiền 359.000.000 đồng và đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị can T.

Bản Kết luận giám định số 2827/C09-P5 ngày 30/6/2021 của Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an kết luận:

Chữ viết, chữ ký trên Giấy xác nhận mang tên Lê Anh T **là chữ do Lê Anh T viết và ký ra.**

Tại cơ quan điều tra Lê Anh T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung đã nêu trên, đối với số tiền nhận hộ anh T3 từ anh HO, T đã sử dụng vào việc tiêu sài cá nhân và đánh bạc bị thua hết.

Vụ thứ 2: Lê Anh T có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng của anh Bùi Văn T1 (sinh năm 1976), số tiền 100.000.000 đồng của anh Võ Văn H2 (sinh năm 1968), số tiền 100.000.000 đồng của anh Bùi Văn T2 (sinh năm 1988) và số tiền 100.000.000 đồng của anh Bùi Đức T4 (sinh năm 1979, cùng trú tại thôn CA, xã TĐ, huyện M, Hà Nội).

Do có mối quan hệ quen biết từ trước nên Lê Anh T nói với các anh Bùi Văn T1, anh Võ Văn H2, anh Bùi Văn T2 và anh Bùi Đức T4 là Trung tâm phát triển quỹ đất huyện M chuẩn bị mở bán đấu giá 13 lô đất (từ LK-01: 01 đến LK01: 13) tại khu vực cửa Ao, thôn CA, xã TĐ, huyện M, Hà Nội; T khẳng định mình làm được hồ sơ đấu thầu và trúng đấu 13 lô đất này với mức giá tối đa là 2.350.000 đồng/1m². Nếu anh Bùi Văn T1, anh H2, anh T2 và anh T4 muốn mua thì mỗi người phải đưa trước cho T số tiền 1.500.000.000 đồng. Do tin tưởng T nói trên là thật nên anh Bùi Văn T1, anh H2, anh T2 và anh T4 đưa cho T số tiền 500.000.000 đồng, để làm thủ tục mua hồ sơ đấu giá.

Ngày 30/10/2021, T cùng anh Bùi Văn T1, anh H2, anh T2 và anh T4 đến Văn phòng Công chứng NG tại thôn ĐB, xã ĐT, huyện M, Hà Nội làm văn bản thỏa thuận có nội dung:

“... - Bên B (các anh T, H2, T2, T4) đồng ý đặt cọc, Bên A (Lê Anh T) đồng ý nhận đặt cọc để đảm bảo. Bên A có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất để bên B là người trúng thầu giá đối với 13 lô đất từ LK-01: 01 đến LK-01: 13 theo bản đồ quy hoạch mặt bằng chia lô số QH-TMB-01 với giá tối đa là 2.350.000 đồng/1m².

- Tài sản đặt cọc: Bên B đặt cọc cho bên A số tiền: 500.000.000 đồng ngay sau khi ký kết văn bản này.

- Thời hạn đặt cọc: là 03 tháng kể từ ngày ký văn bản này.

- Trường hợp bên A hoàn thành xong nghĩa vụ nêu trên trong thời hạn 03 tháng thì bên A được sở hữu số tiền đã nhận cọc. Trường hợp bên A không hoàn

thành nghĩa vụ nêu trên trong thời hạn 03 tháng thì bên A phải trả lại bên B số tiền đã nhận đặt cọc đồng thời bị phạt 10% số tiền đã nhận đặt cọc".

Ngay sau khi hai bên ký văn bản thỏa thuận, anh T2, anh T4 và anh H2, mỗi người đã giao số tiền 100.000.000 đồng cho T, anh Bùi Văn T1 thực hiện 01 giao dịch chuyển khoản cho T số tiền 200.000.000 đồng.

Tiếp đó, Văn phòng công chứng NG và T, anh T2, anh T4, anh H2, anh Bùi Văn T1 yêu cầu Văn phòng thừa phát lại HH, địa chỉ đường BD, khu đô thị HV, phường HV, thành phố PY, tỉnh Vĩnh Phúc lập Vi bằng ghi nhận buổi làm việc và ghi nhận hành vi các bên giao nhận tiền.

Ngày 09/02/2021, T viết giấy nhận nợ và hẹn trả tiền vào ngày 04/3/2021 với anh Bùi Văn T1, anh H2, anh T2 và anh T4. Đến hẹn, T không trả lại tiền như đã hứa nên ngày 05/3/2021, anh T2, anh T4, anh H2 và anh Bùi Văn T1 làm đơn tố giác hành vi của T và gửi kèm đơn gồm:

- 01 sổ phụ kèm giấy báo nợ của Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam TECHCOMBANK - Chi nhánh VP (*thể hiện việc chuyển tiền từ anh Bùi Văn T1 cho Lê Anh T*).

- 01 bản gốc vi bằng số: 412/2020 ngày 30/10/2020 của Văn phòng thừa phát lại HH, được lập tại Văn phòng công chứng NG. Trong vi bằng được lập có chữ ký và chữ viết của Bùi Văn T1, Võ Văn H2, Bùi Văn T2, Bùi Đức T4 với Lê Anh T.

- 01 bản gốc văn bản thỏa thuận đặt cọc ngày 30/10/2020 giữa anh Lê Anh T và bên đặt cọc gồm: Bùi Văn T1, Võ Văn H2, Bùi Văn T2, Bùi Đức T4 (số tiền đặt cọc là 500.000.000 đồng).

- 01 bản gốc Giấy nhận nợ đề ngày 09/02/2021 của Lê Anh T.

Quá trình điều tra vụ án, ngày 16 và 18/7/2022, ông Lê Xuân H (sinh năm 1962, trú tại thôn Đ, xã NH, huyện ĐA, Hà Nội là bố đẻ của T) đã tự nguyện bồi thường cho anh Bùi Văn T1 số tiền 50.000.000 đồng; anh Bùi Đức T4 số tiền 30.000.000 đồng; anh Võ Văn H2 số tiền 30.000.000 đồng và anh Bùi Văn T2 số tiền 30.000.000 đồng. Đến nay, anh T4, anh T2, anh H2 và anh Bùi Văn T1 yêu cầu T trả nốt số tiền đã chiếm đoạt cụ thể (anh T4, anh T2, anh H2 mỗi người số tiền 70.000.000 đồng; anh Bùi Văn T1 số tiền 150.000.000 đồng), đồng thời các anh có Đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho T khi xét xử.

Bản Kết luận giám định số 6052/C09-P55 ngày 30/9/2021 của Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an kết luận:

Chữ viết, chữ ký trên Giấy nhận nợ đề ngày 09/02/2021 mang tên Lê Anh T ***là chữ do Lê Anh T viết và ký ra.***

Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, kết quả:

- Đối với khu đất đấu giá khu vực Cửa Ao thuộc thôn CA, xã TĐ, huyện M, Hà Nội. Từ năm 2012, Ủy ban nhân dân xã TĐ đã có tờ trình gửi đến Ủy ban nhân dân huyện M cho bán đấu giá 17 lô đất nhưng chỉ bán được 03 lô đất, còn lại 14 lô đất đến nay đã hết hiệu lực. Ủy ban nhân dân xã TĐ đang có hướng đề xuất Ủy ban nhân dân huyện M và Trung tâm quỹ đất huyện M để 02 lô đất làm đường đi trong xóm thuộc thôn CA, xã TĐ, còn 12 lô đất tiếp tục cho hoàn thiện hồ sơ bán đấu giá. Việc bán đấu giá thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện M và Trung

tâm phát triển quỹ đất huyện M, khung giá bán đấu giá là do Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội quyết định. Tuy nhiên, trên thực tế Ủy ban nhân dân xã TĐ chưa làm tờ trình gửi đến Ủy ban nhân dân huyện M để xin tiếp tục bán đấu giá đối với những lô đất ở khu vực Cửa Ao thuộc thôn CA, xã TĐ.

- Lê Anh T là cán bộ địa chính xã TĐ không nằm trong thành viên Hội đồng đấu giá và không có nhiệm vụ trong việc bán đấu giá vì không thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân xã và cán bộ địa chính xã.

Xác minh tại Ủy ban nhân dân huyện M và Trung tâm phát triển quỹ đất huyện M, kết quả:

- Từ năm 2018 đến tháng 7/2022, Ủy ban nhân dân huyện M không tổ chức đấu giá 17 lô đất theo Bản đồ quy hoạch tổng thể mặt bằng các khu đấu giá quyền sử dụng đất số QH-TMB-01 tại khu vực CO, thôn CA, TĐ, M.

- Việc tổ chức đấu giá 17 lô đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện M và Trung tâm phát triển quỹ đất huyện M.

- Từ năm 2019 đến tháng 7/2022, Ủy ban nhân dân huyện M không nhận được tờ trình của Ủy ban nhân dân xã TĐ về việc đề xuất xin tiếp tục bán đấu giá với những lô đất còn lại trong số 17 lô đất trên”.

- Lê Anh T nguyên là cán bộ địa chính – xây dựng xã TĐ không nằm trong thành viên Hội đồng đấu giá, không có chức năng, nhiệm vụ trong việc bán đấu giá đất.

Tại cơ quan điều tra, Lê Anh T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung đã nêu trên, số tiền chiếm đoạt được của anh T2, anh T4, anh H2 và anh Bùi Văn T1, T đã sử dụng vào việc tiêu sài cá nhân hết.

Ngày 14/12/2021, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử - Bộ Thông tin và Truyền thông có Công văn số 2695/PTTH&TTĐT, nội dung:

Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử không cấp bất cứ giấy phép hoạt động nào cho trang web: <https://vn.ku6106.net>, chưa thông báo sử dụng tên miền quốc tế với Bộ Thông tin và Truyền thông. Vì vậy, đơn vị không có thông tin về trang web: <https://vn.ku6106.net> và các ứng dụng trong trang web này...”.

Đối với hành vi đánh bạc của Lê Anh T: T khai số tiền chiếm đoạt được đã tham gia đánh bạc trên mạng internet. Tuy nhiên, trang web: <https://vn.ku6106.net>, T khai tham gia đánh bạc không được sự cấp phép của Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử - Bộ Thông tin và Truyền thông, quá trình điều tra không xác định T tham gia đánh bạc với những ai, số tiền mỗi ván và từng lần tham gia đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hà Nội không có căn cứ xử lý trong vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 503/CT-VKS-P3 ngày 23/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội đã truy tố: Lê Anh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự; tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Lê Anh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và không có ý kiến gì về tội danh, điều khoản luật mà Viện kiểm sát áp dụng truy tố bị cáo về các tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Lừa đảo

chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

Các bị hại đều có ý kiến thống nhất với nội dung truy tố của cáo trạng, gia đình bị cáo đã bồi thường, khắc phục toàn bộ thiệt hại cho các bị hại nên không yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự nữa và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Gia đình tự nguyện bồi thường cho các bị hại, khắc phục hậu quả do bị cáo gây ra và không yêu cầu bị cáo bồi hoàn khoản tiền này nữa.

+ *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa*: Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Lê Anh T và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 4, Điều 175 và Điểm a, Khoản 4, Điều 174 Bộ luật Hình sự; điểm b, s, Khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Lê Anh T **từ 08 năm đến 09 năm tù** về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; **từ 09 năm đến 10 năm tù** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là: 17 năm đến 19 năm tù.

Về dân sự: Bỏ để bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho các bị hại toàn bộ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt, tại phiên tòa, các bị hại không đề nghị bồi thường nữa nên không xem xét.

Về vật chứng: **Không.**

+ *Người bào chữa cho bị cáo Lê Anh T*: Về tội danh Viện kiểm sát truy tố bị cáo tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động gia đình bồi thường, khắc phục toàn bộ thiệt hại cho các bị hại. Các bị hại đều không yêu cầu bị cáo bồi thường nữa và đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo có cơ hội cải tạo sớm trở về với gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi tranh luận tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Anh T như cáo trạng đã nêu và ý kiến đã phát biểu tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Phân tích tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội và tội danh:

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa, thấy phù hợp với lời khai của chính bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng thu được, lời khai của người làm chứng phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Do không có tiền để chi tiêu cá nhân Lê Anh T lợi dụng sự tin tưởng của anh Trần Thế T3 để nhận tiền hộ anh T3 rồi chi tiêu cá nhân hết và nói dối với các anh Bùi Văn T1, anh Võ Văn H2, anh Bùi Văn T2 và anh Bùi Đức T4 là mình có khả năng lập và mua quyền sử dụng đất trong dự án để chiếm đoạt tổng số tiền 1.069.000.000 đồng cụ thể:

Ngày 04/9/2020, Lê Anh T có hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt số tiền 569.000.000 đồng của anh Trần Thế T3.

Ngày 30/10/2021, Lê Anh T có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng của anh Bùi Đức T4, số tiền 100.000.000 đồng của anh Võ Văn H2, số tiền 100.000.000 đồng của anh Bùi Văn T2 và số tiền 200.000.000 đồng của anh Bùi Văn T1. Quá trình điều tra và chuẩn bị xét xử, ông Lê Xuân H (là bố đẻ của bị cáo T) đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền bị cáo đã lạm dụng và lừa đảo chiếm đoạt của các anh: Trần Thế T3, anh Bùi Đức T4, Bùi Văn T2, Bùi Văn T1, Võ Văn H2, các bị hại có đơn xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sớm cải tạo, trở về với gia đình.

Với hành vi phạm tội của bị cáo nêu trên, Lê Anh T đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a, Khoản 4, Điều 174 và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Khoản 4, Điều 175 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo với tội danh và điều luật như trên là đúng qui định pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo Lê Anh T đã có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các anh Trần Thế T3, Bùi Văn T1, Võ Văn H2, Bùi Văn T1, Bùi Văn T2 và anh Bùi Đức T4 với số tiền 1.069.000.000 đồng và sử dụng, chi tiêu cá nhân hết.

Bị cáo phạm 02 tội, đều có khung hình phạt đặc biệt nghiêm trọng. Bị cáo chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của các bị hại, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội nên phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và răn đe, phòng ngừa chung.

Cho đến thời điểm hiện tại, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục toàn bộ phần thiệt hại cho các bị hại và họ không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nữa.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Xuân H – bố bị cáo về việc tự nguyện bồi thường thiệt hại cho các bị hại và không yêu cầu bị cáo bồi hoàn khoản tiền này.

[4]. Nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn, hối cải, biết hối lỗi và ân hận do hành vi phạm tội của mình gây ra; trong các giai đoạn tố tụng bị cáo tích cực tác động gia đình bồi thường, khắc phục toàn bộ thiệt hại; các bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo 9 lần tham gia hiến máu nhân đạo, đây là những tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm b (Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả), s (Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải) khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ qui định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng có tác dụng giáo dục, răn đe và thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội cải tạo, sớm trở về với gia đình.

[5]. Các vấn đề khác của vụ án:

- Đối với hành vi đánh bạc của Lê Anh T: T khai số tiền chiếm đoạt được đã tham gia đánh bạc trên mạng internet. Tuy nhiên, trang web: <https://vn.ku6106.net>, T khai tham gia đánh bạc không được sự cấp phép của Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử - Bộ Thông tin và Truyền thông, quá trình điều tra không xác định T tham gia đánh bạc với những ai, số tiền mỗi ván và từng lần tham gia đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hà Nội không có căn cứ xử lý trong vụ án là phù hợp với qui định của pháp luật.

- Về hình phạt bổ sung: Sau khi phạm tội, bị cáo không có công việc ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Về trách nhiệm dân sự: Không.

- Về xử lý vật chứng: Không.

[7]. Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Lê Anh T** phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Áp dụng: Khoản 4 Điều 175; điểm a Khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Lê Anh T **07 năm tù** về tội “**Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản**”; **08 năm tù** về tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **15 năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày **13/12/2021**.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

4. Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Về trách nhiệm dân sự: Không.

+ Vật chứng: Không.

5. Án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Lê Anh T phải chịu **200.000 đồng** án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Các bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về phần có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại HN;
- VKSND cấp cao tại HN;
- Viện kiểm sát ND TP Hà Nội;
- Công an TP Hà Nội;
- Cục Thi hành án DS TP Hà Nội;
- Trại tạm giam số 1, Công an TP Hà Nội;
- Bị cáo và người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thủy